

Bản án số: 88/2019/KDTM-ST

Ngày: 21-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Dũng

2. Ông Lê Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân
quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2019 về
việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 144/2019/QĐXXST- KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn
phiên tòa số 81/2019/QĐST – KDTM ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 9 năm 2019
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh V;

Trụ sở: 9 – 19 đường H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Hoàng T, sinh năm 1992

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng A;

Trụ sở: 198 đường C, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Việt D, sinh năm 1970

Địa chỉ: 15/12C đường L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/11/2010, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty Cổ phần Xây dựng A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có ký Hợp đồng mua bán số 353-2010/HĐMB-C&T-KD1 “v/v mua bán thép xây dựng”.

Thực hiện hợp đồng trên, Công ty V đã cung cấp cho Công ty A các loại thép như đã thỏa thuận. Ngày 31/5/2015, Công ty V và Công ty A đã ký xác nhận Biên bản đối chiếu công nợ, thừa nhận số dư nợ mà Công ty A còn nợ Công ty V là 70.990.420 đồng.

Phía Công ty V đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Công ty A thanh toán công nợ quá hạn nhưng Công ty A không có ý kiến phản hồi, cố tình trì hoãn nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty V.

Do bị đơn Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty V nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty A thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2015 là 70.990.420 (Bảy mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi) đồng.

Bị đơn, Công ty A do ông Phạm Việt D là người đại diện theo pháp luật mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lâm Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty A thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2015 là 70.990.420 (Bảy mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi) đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, Công ty A do ông Phạm Việt D là người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, Công ty V yêu cầu Công ty A thanh toán tiền mua hàng còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, Công ty A có địa chỉ tại: 198 đường C, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Công ty V khởi kiện Công ty A tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét Giấy ủy quyền số 61/GUQ-HĐQT ngày 25/12/2018 của Công ty V là ủy quyền hợp lệ nên ông Lâm Hoàng T có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – Công ty A do ông Phạm Việt D là người đại diện theo pháp luật mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tại địa chỉ trụ sở công ty và địa chỉ cư trú của người đại diện theo pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán thép xây dựng số 353-2010/HĐMB-C&T-KD1 ngày 05/11/2010 có cơ sở xác nhận giữa Công ty V và Công ty A có giao dịch mua bán hàng hóa về cung cấp sản phẩm là mặt hàng thép xây dựng. Như vậy, giữa Công ty V và Công ty A có quan hệ mua bán hàng hóa là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ số 05/15/C&T ngày 31/5/2015 thì Công ty A xác nhận còn nợ Công ty V số tiền 70.990.420 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 353-2010/HĐMB-C&T-KD1 ngày 05/11/2010 nhưng chưa thanh toán. Xét việc bị đơn Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó Công ty V khởi kiện và yêu cầu Công ty A thanh toán toàn bộ số tiền 70.990.420 (Bảy mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi) đồng là có căn cứ.

Về thời hạn thanh toán: Xét, Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Công ty V yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên là phù hợp, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty A phải chịu án phí. Công ty V được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh V.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng A thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh V tiền mua hàng còn thiếu 70.990.420 (bảy mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi) đồng.

Thời hạn và phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.549.521 (Ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm hai mươi một) đồng. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.774.761 (Một triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037846 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Lan Ngọc